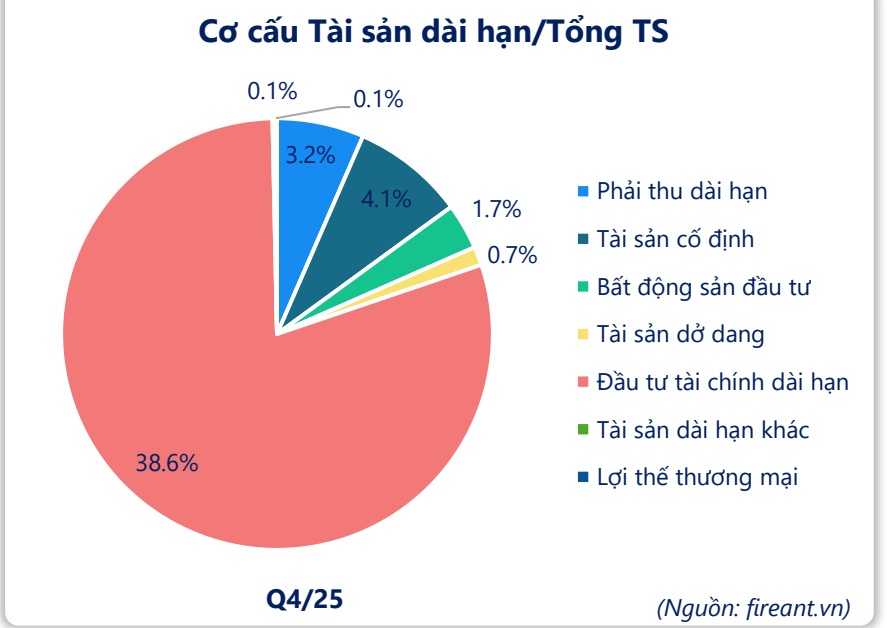
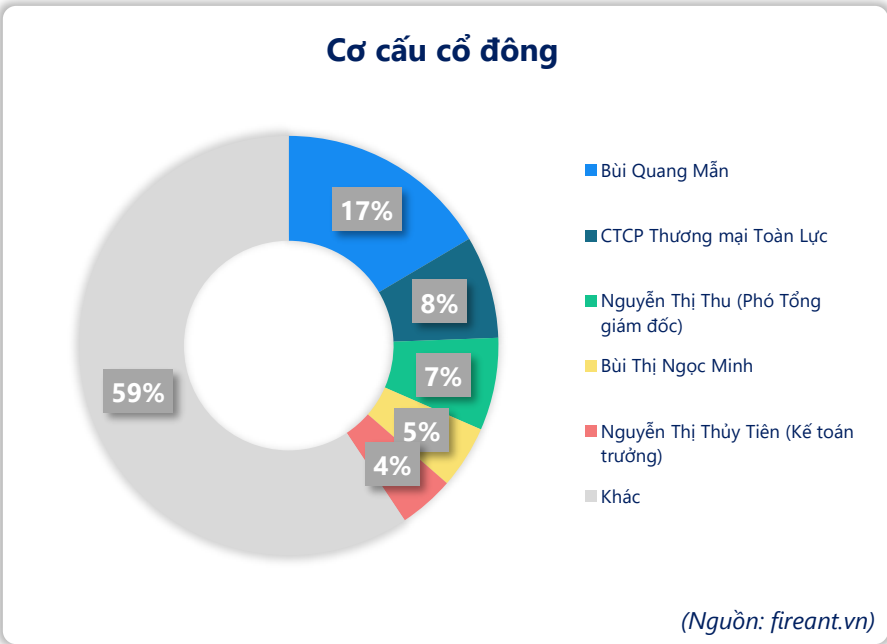
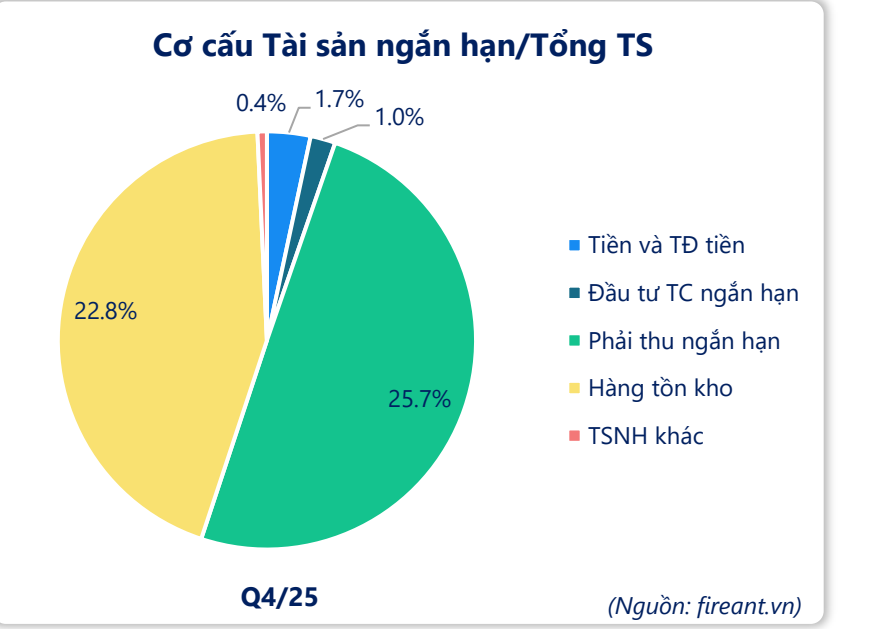
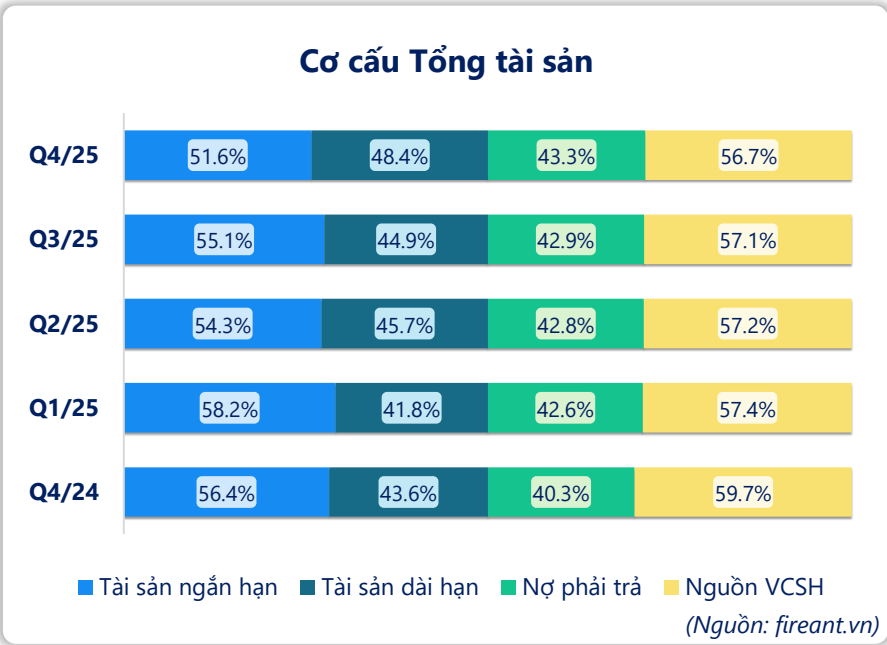
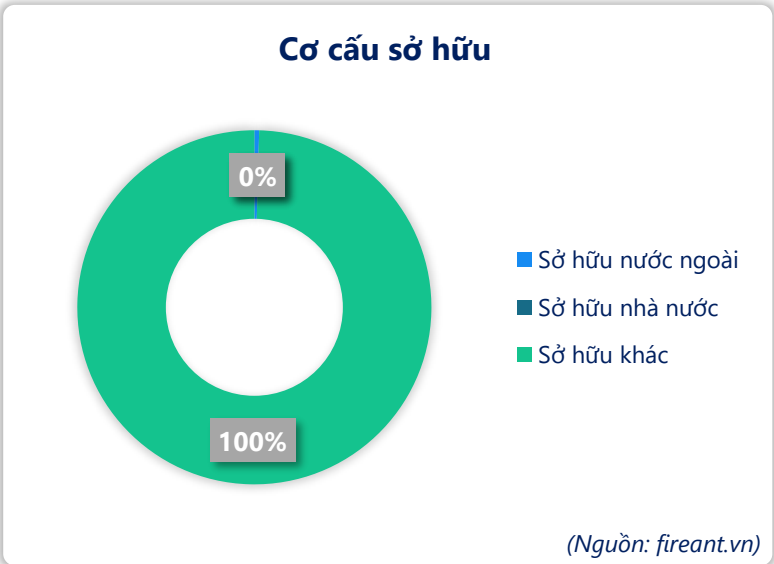
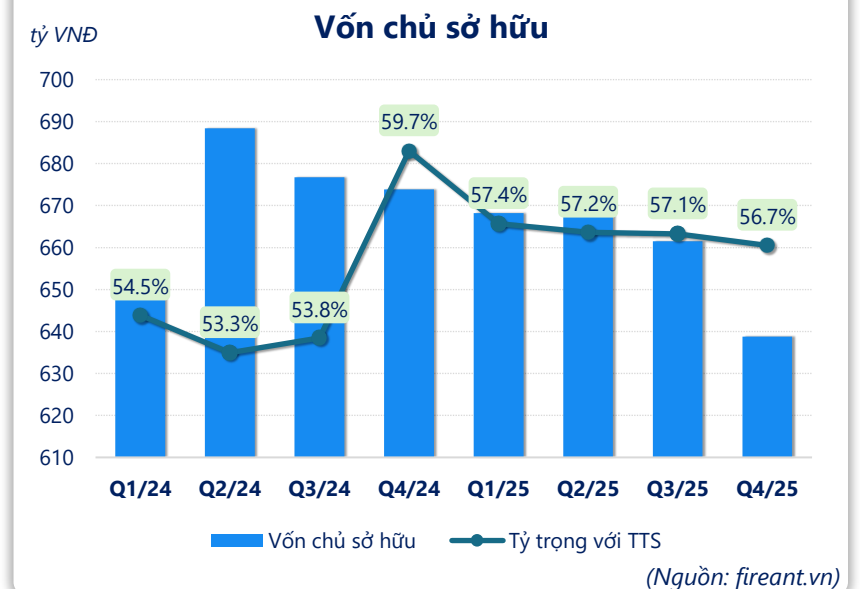
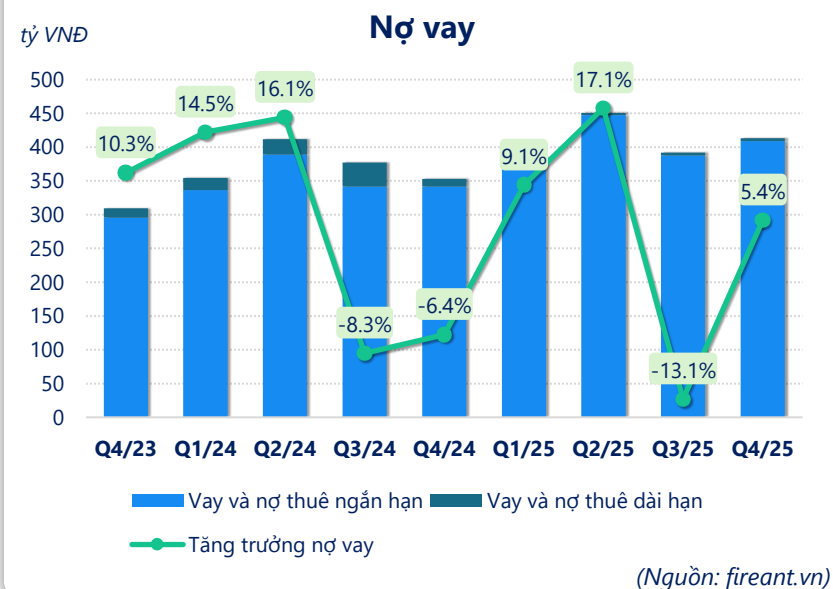
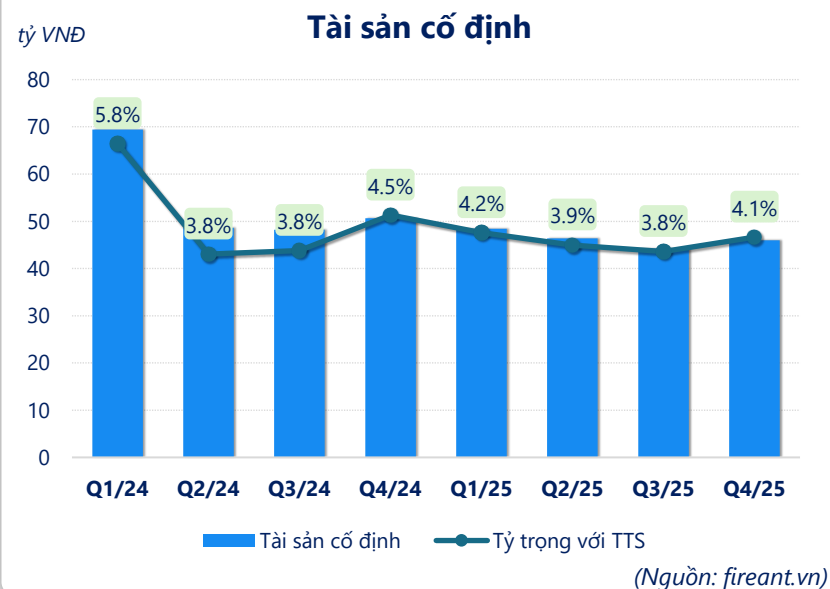
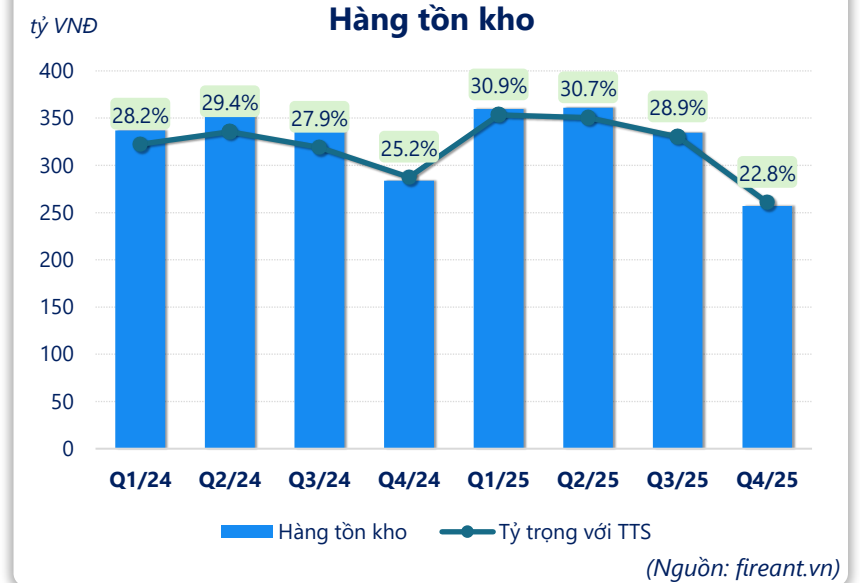
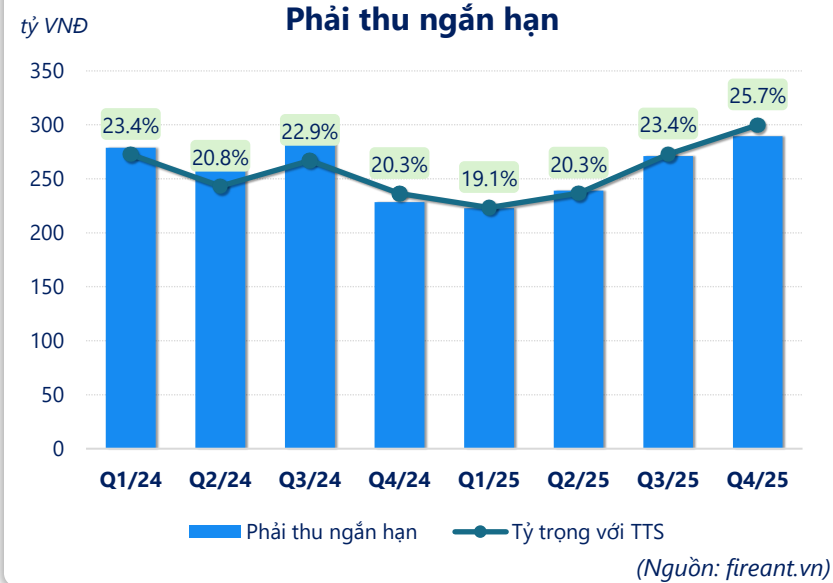
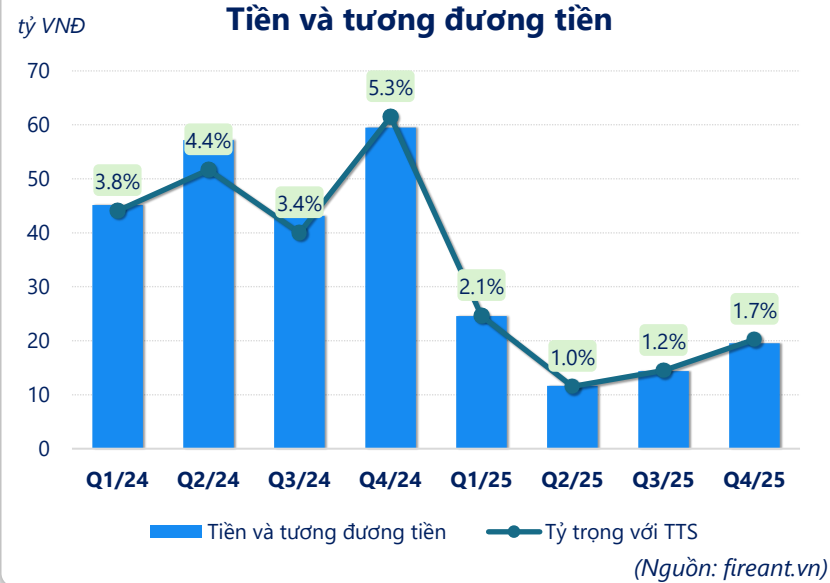
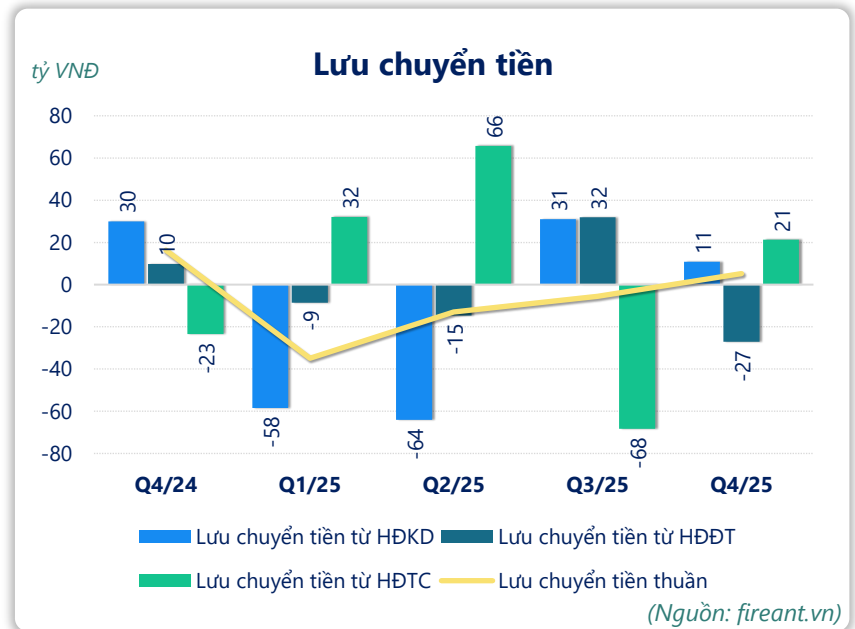
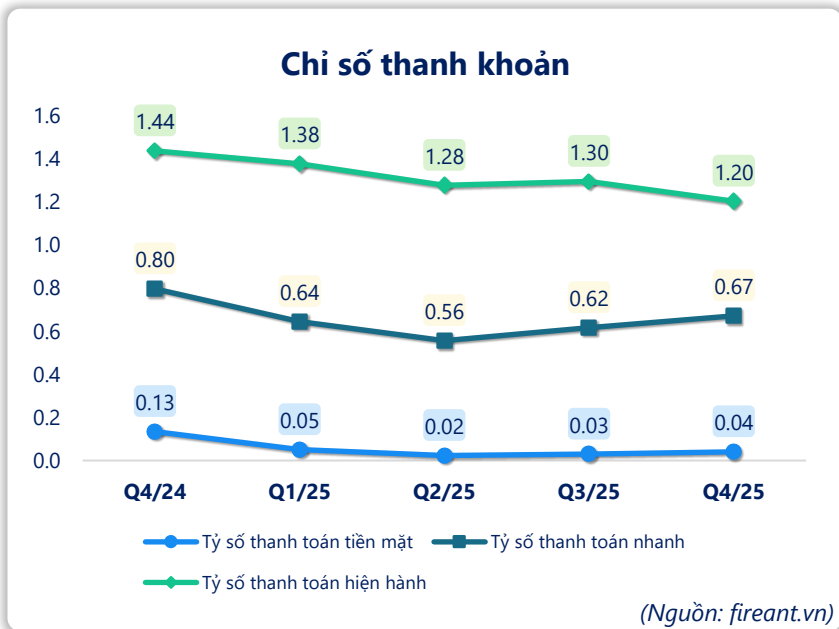
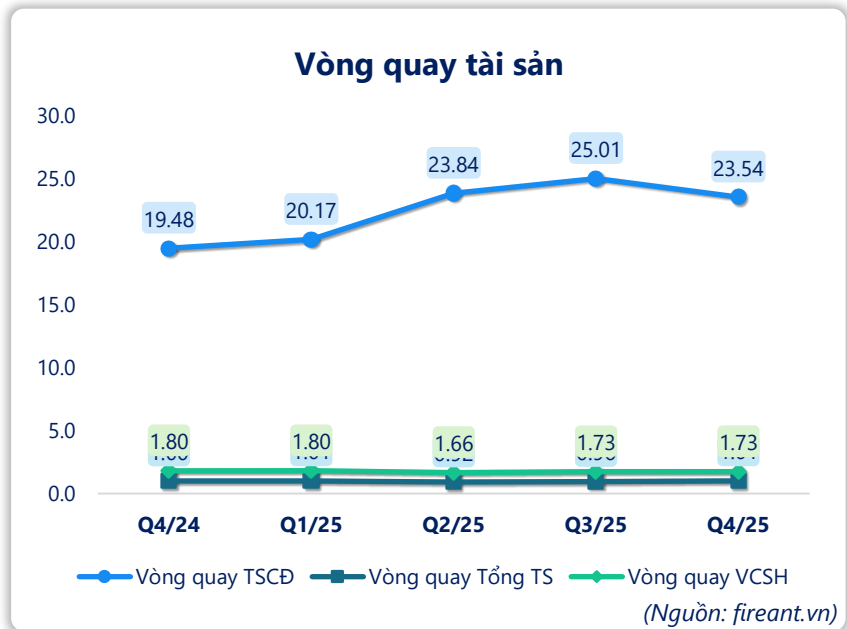
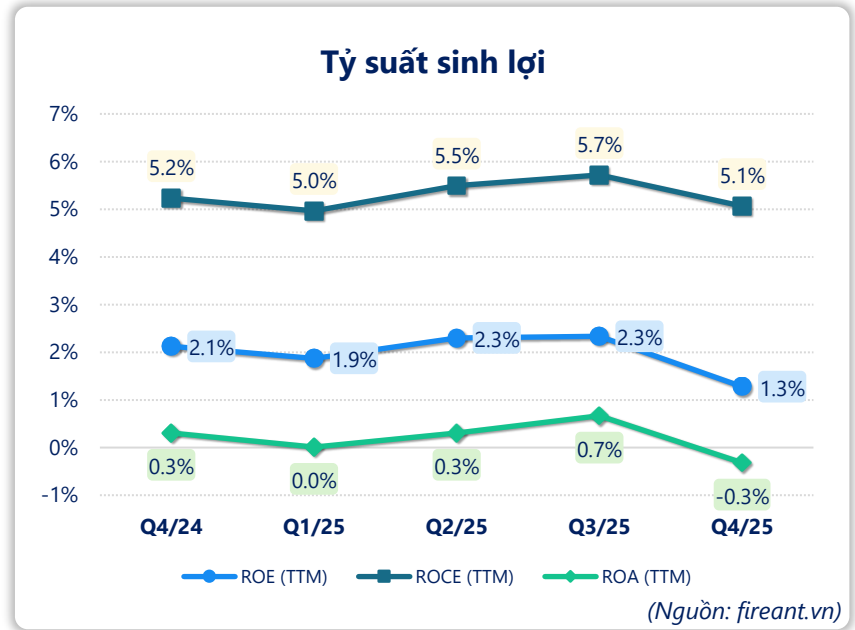
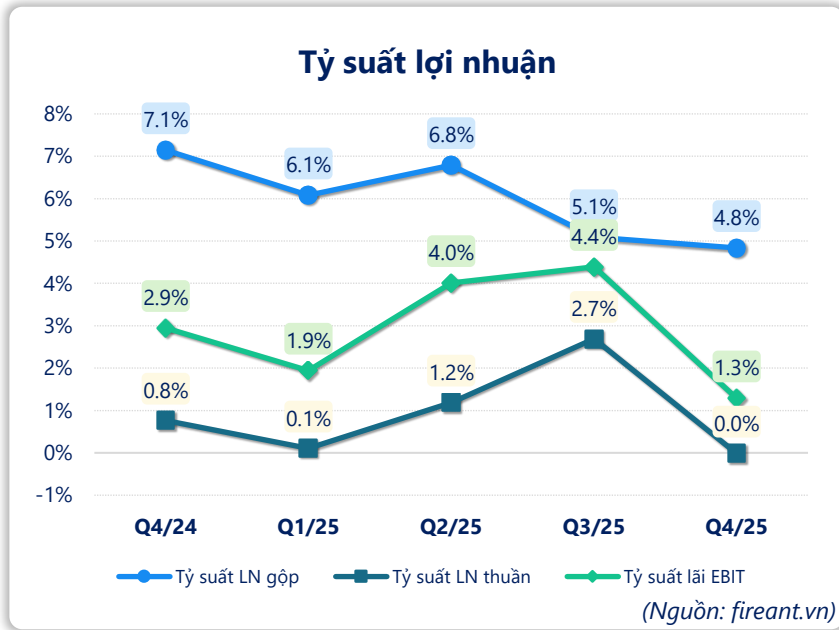
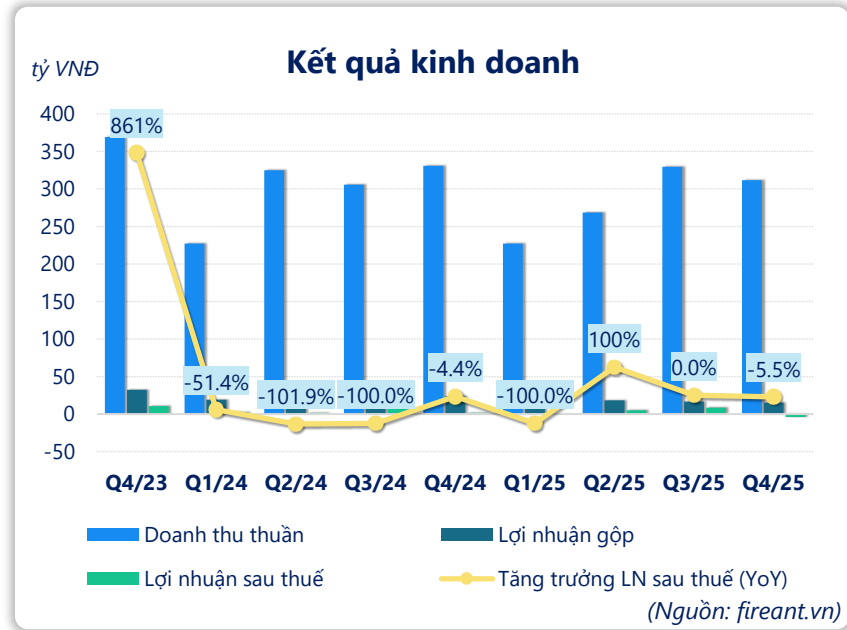


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		4,950
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		5,482
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,457
SL cổ phiếu LH		40,836,069
KLGD BQ 20 phiên (CP)		11,740
% sở hữu nước ngoài		0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		202
P/E		24.1
EPS		205

	YTD	1T	3T	6T
VID	8.2%	-3.9%	-3.7%	5.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,126	1,122	0.4%
Tài sản ngắn hạn	581	641	-9.3%
Tiền và tương đương tiền	19.5	59.5	-67.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.2	59.8	-81.2%
Phải thu ngắn hạn	289	233	24.4%
Hàng tồn kho	257	284	-9.5%
Tài sản ngắn hạn khác	4.22	5.15	-18.1%
Tài sản dài hạn	545	481	13.2%
Phải thu dài hạn	35.6	0.55	6314%
Tài sản cố định	45.9	50.6	-9.3%
Bất động sản đầu tư	18.8	18.8	0.0%
Tài sản dở dang	7.57	0.04	17884%
Đầu tư tài chính dài hạn	435	408	6.7%
Tài sản dài hạn khác	0.94	1.49	-36.7%
Lợi thế thương mại	0.89	1.78	-50.0%
Nợ phải trả	487	454	7.3%
Nợ ngắn hạn	483	443	9.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	409	342	19.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	52.0	91.1	-43.0%
Nợ dài hạn	4.10	10.9	-62.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	4.10	10.7	-61.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	639	668	-4.4%
Vốn chủ sở hữu	639	668	-4.4%
Vốn điều lệ	408	408	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	331	227	268	329	312
Giá vốn hàng bán	307	213	250	313	297
Lợi nhuận gộp	23.6	13.8	18.2	16.8	15.1
Doanh thu HĐTC	9.10	5.94	1.34	10.6	3.97
Chi phí TC	10.6	5.30	9.37	6.96	7.45
Chi phí lãi vay	5.99	4.18	5.67	5.84	6.04
LN trong công ty LKLD	5.73	0	10.1	0	0
Chi phí bán hàng	9.23	5.85	4.25	5.12	4.66
Chi phí QLDN	16.1	8.36	12.9	6.45	6.98
LN thuần từ HĐKD	2.52	0.24	3.19	8.87	-0.05
Lợi nhuận khác	1.25	0.00	1.90	-0.24	-1.98
LN trước thuế	3.77	0.24	5.09	8.62	-2.02
Lợi nhuận sau thuế	1.58	0.24	5.09	8.62	-4.09
LNST của CĐ cty mẹ	3.65	0.13	3.79	8.05	-3.59

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	30.0	-58.4	-64.0	31.0	10.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	9.80	-8.51	-14.6	31.8	-27.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-23.5	32.0	65.7	-68.4	21.3
Tiền đầu kỳ	43.1	59.5	24.6	19.9	14.4
Lưu chuyển tiền thuần	16.3	-34.9	-12.9	-5.52	5.17
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	59.5	24.6	11.7	14.4	19.5

(Nguồn: fireant.vn)